

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP/ Fund name: DCVFMVNMIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 09-06-2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	1,188,595,000	99.02%
1	BMP	100	1.14%
2	BSI	100	0.38%
3	BWE	100	0.40%
4	CII	1,000	1.24%
5	CMG	200	0.58%
6	CTD	100	0.67%
7	CTR	100	0.75%
8	DBC	500	1.24%
9	DCM	300	0.84%
10	DGC	500	3.74%
11	DGW	300	0.84%
12	DIG	1,100	1.65%
13	DPM	400	1.12%
14	DSE	300	0.57%
15	DXG	1,900	2.51%
16	EIB	3,300	6.63%
17	EVF	1,600	1.44%
18	FRT	200	2.75%
19	FTS	400	1.20%
20	GEX	1,500	4.50%
21	GMD	800	3.83%
22	HAG	1,000	1.10%
23	HCM	800	1.70%
24	HDC	300	0.63%
25	HDG	400	0.90%
26	HHV	800	0.82%
27	HSG	1,100	1.48%
28	KBC	1,100	2.34%
29	KDC	300	1.34%
30	KDH	1,300	3.21%
31	MSB	4,900	4.74%
32	NAB	2,500	3.48%
33	NKG	800	0.89%
34	NLG	600	1.86%
35	NT2	200	0.31%
36	OCB	3,100	2.78%
37	PAN	300	0.69%
38	PC1	600	1.14%
39	PDR	900	1.33%
40	PHR	100	0.42%
41	PNJ	600	3.78%
42	POW	1,200	1.34%
43	PTB	100	0.44%
44	PVD	600	0.97%
45	PVT	400	0.76%
46	REE	300	1.95%
47	SBT	1,000	1.54%
48	SCS	100	0.52%
49	SIP	200	1.13%
50	SJS	200	1.47%
51	SZC	200	0.57%
52	TCH	800	1.33%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
53	VCG	700	1.28%
54	VCI	900	2.69%
55	VGC	100	0.38%
56	VHC	200	0.93%
57	VIX	2,900	3.27%
58	VND	2,400	3.29%
59	VPI	300	1.27%
60	VTP	100	0.91%
II.	Tiền/ Cash (VND)	11,758,060	0.98%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,200,353,060	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)	1,188,595,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)	1,200,353,060
+ Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)	11,758,060

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
HCM	28,105	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PAN	30,305	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	39,490	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
OCB	11,825	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	83,270	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	85,800	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 09-06-2025	Kỳ trước/Last period (**) 06-06-2025	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	28,100,000	28,100,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	11,510	11,860	-350
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	337,299,209,896	341,754,762,896	-4,455,553,000
của một lô ETF/per Creation Unit	1,200,353,060	1,216,209,120	-15,856,060
của một chứng chỉ quỹ/per Share	12,003.53	12,162.09	-158.56
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,899.76	1,927.99	-28.23

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 08/06/2025 /(*) The criteria #5 is represented by NAV as at 08/06/2025

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 05/06/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 05/06/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM



LÊ HOÀNG ANH

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ Hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 10/06/2025